

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	8 - 9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	10 - 46

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hải Minh trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 đã được soát xét.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hải Minh (gọi tắt là “Công ty”) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0302525162 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24/01/2002, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đã được thay đổi các lần và đăng ký thay đổi gần nhất là lần thứ 19 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 09/01/2026 về việc thay đổi một người đại diện pháp luật của Công ty.

Tên Công ty bằng tiếng Anh: HAI MINH CORPORATION. Tên Công ty viết tắt: HAMI CORP.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302525162 thay đổi lần thứ 19 ngày 09/01/2026 là 138.422.290.000 VND (Bằng chữ: Một trăm ba mươi tám tỷ, bốn trăm hai mươi hai triệu, hai trăm chín mươi nghìn đồng chẵn).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX). Mã cổ phiếu: HMH.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, phường Thanh Mỹ Tây, thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong suốt kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Trần Quang Tiến	Chủ tịch
Ông Trần Đức Trung	Thành viên
Ông Trần Đoàn Viện	Thành viên
Ông Phùng Tuấn Anh	Thành viên
Bà Vũ Thị Thu Việt	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Ông Đào Thế Hưng	Trưởng ban
Bà Tạ Thu Hường	Thành viên
Bà Đặng Thị Bích Ngọc	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Trần Đoàn Viện	Tổng Giám đốc
Ông Trần Đức Trung	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty tại ngày 30/6/2026 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ để Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Trần Đoàn Viện
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2026

Số: 191/2026/BCSXHN-CPA VIETNAM-HCM

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi:

Các Cổ đông**Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc****Công ty Cổ phần Hải Minh**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Hải Minh được lập ngày 12/8/2026, từ trang 05 đến trang 46, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/6/2026, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty tại ngày 30/6/2026, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Bùi Thị Thủy****Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 04/2026/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2026 của Chủ tịch HĐQTV

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2026	01/01/2026
			VND	(Trình bày lại) VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+160)	100		159.331.276.905	167.461.296.264
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	32.024.305.767	31.354.441.022
1. Tiền	111		21.324.305.767	22.854.441.022
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.700.000.000	8.500.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	103.859.739.463	116.404.436.742
1. Chứng khoán kinh doanh	121	5.2a	105.603.725.085	122.943.810.422
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	5.2a	(3.243.985.622)	(8.039.373.680)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	5.2b	1.500.000.000	1.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		20.399.289.100	17.440.659.990
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	16.333.311.938	12.040.057.925
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	92.077.969	42.551.693
3. Phải thu ngắn hạn khác	135	5.5	3.973.899.193	5.358.050.372
IV. Hàng tồn kho	140	5.6	45.113.430	27.768.242
1. Hàng tồn kho	141		45.113.430	27.768.242
VI. Tài sản ngắn hạn khác	160		3.002.829.145	2.233.990.268
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	5.7	2.002.829.145	1.169.497.305
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	5.15	-	64.492.963
2. Tài sản ngắn hạn khác	165	5.8	1.000.000.000	1.000.000.000
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260+270)	200		127.566.603.526	115.850.947.324
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		8.000.000	8.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	215	5.5	8.000.000	8.000.000
II. Tài sản cố định	220		88.926.590.910	87.954.830.429
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	70.266.176.235	68.999.955.368
- Nguyên giá	222		182.590.431.052	178.083.140.684
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(112.324.254.817)	(109.083.185.316)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	18.660.414.675	18.954.875.061
- Nguyên giá	228		24.121.532.693	24.121.532.693
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.461.118.018)	(5.166.657.632)
IV. Bất động sản đầu tư	240	5.11	22.718.284.068	22.930.768.512
1. Nguyên giá	241		23.603.635.918	23.603.635.918
2. Giá trị hao mòn lũy kế	242		(885.351.850)	(672.867.406)
V. Tài sản dở dang dài hạn	250		661.487.074	661.487.074
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252		661.487.074	661.487.074
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	260	5.2	11.400.000.000	-
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263	5.2c	11.400.000.000	-
VII. Tài sản dài hạn khác	270		3.852.241.474	4.295.861.309
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	5.7	3.358.264.594	3.823.095.501
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272	5.12	493.976.880	472.765.808
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280 = 100+200)	280		286.897.880.431	283.312.243.588

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/6/2026	01/01/2026
			VND	(Trình bày lại) VND
C - NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		40.247.066.900	40.086.140.096
I. Nợ ngắn hạn	310		39.179.642.648	39.932.806.735
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	5.515.261.131	4.940.873.784
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		361.368.743	165.054.343
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	5.14	63.451.065	52.720.815
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	5.15	5.578.713.858	3.575.699.684
5. Phải trả người lao động	315		4.304.937.010	5.439.032.643
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	5.16	317.617.888	317.684.928
7. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319		-	97.272.700
8. Phải trả ngắn hạn khác	320	5.17	18.507.102.385	12.742.248.372
9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	5.18	300.000.000	10.504.010.898
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		4.231.190.568	2.098.208.568
II. Nợ dài hạn	330		1.067.424.252	153.333.361
1. Doanh thu chờ phân bổ dài hạn	337		192.424.252	153.333.361
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	5.18	875.000.000	-
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	5.19	246.650.813.531	243.226.103.492
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		138.422.290.000	138.422.290.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		138.422.290.000	138.422.290.000
2. Thặng dư vốn	412		6.812.054.901	6.812.054.901
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		6.746.673.776	6.746.673.776
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		93.083.853.017	89.783.741.382
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		73.788.558.164	62.871.466.688
- LNST chưa phân phối kỳ này	420b		19.295.294.853	26.912.274.694
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1.585.941.837	1.461.343.433
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		286.897.880.431	283.312.243.588

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2026

Người lập biểu



Hoàng Thị Hương

Kế toán trưởng



Hoàng Thị Hương

Tổng Giám đốc



Trần Đoàn Viện

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	69.524.842.865	58.122.726.252
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		69.524.842.865	58.122.726.252
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	57.896.610.283	49.012.048.383
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		11.628.232.582	9.110.677.869
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	6.3	12.013.665.780	12.706.643.432
8. Chi phí tài chính	23	6.4	(4.126.614.573)	1.456.912.175
Trong đó: Chi phí đi vay	24		252.877.249	92.107.743
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	4.851.763.872	4.846.566.146
10. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	27		-	-
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+21+(22-23)-(25+26)+27}	30		22.916.749.063	15.513.842.980
12. Thu nhập khác	31	6.6	18.523.233	354.424.268
13. Chi phí khác	32	6.7	14.269.971	3.958.486
14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		4.253.262	350.465.782
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		22.921.002.325	15.864.308.762
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	3.522.292.358	2.901.945.654
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.9	(21.211.072)	(138.313.678)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		19.419.921.039	13.100.676.786
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		19.295.294.853	13.091.566.516
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		124.626.186	9.110.270
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.11	1.394	928
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.11	1.329	884

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Hoàng Thị Hương

Hoàng Thị Hương

Trần Đoàn Viện

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		22.921.002.325	15.864.308.762
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		3.748.014.331	3.376.237.289
- Các khoản dự phòng	03		(4.795.388.058)	671.618.027
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		(655.900.055)	(10.558.273.313)
- Chi phí đi vay	06		252.877.249	92.107.743
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		21.470.605.792	9.445.998.508
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(2.866.563.544)	(3.263.936.476)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(17.345.188)	(4.736.700)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		6.368.483.636	5.911.791.610
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		(368.500.933)	(1.414.099.172)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		17.340.085.337	(11.934.376.404)
- Chi phí đi vay đã trả	14		(272.492.561)	(92.107.743)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.524.935.230)	(1.884.758.265)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(20.000.000)	(60.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		39.109.337.309	(3.296.224.642)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(4.507.290.368)	(5.675.851.840)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	364.968.799
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(11.400.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	28.500.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		628.327.452	268.763.970
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(15.278.962.916)	23.457.880.929

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025
			VND	VND
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	5.405.659.330
3. Tiền thu từ đi vay	33		7.025.258.039	2.092.081.443
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(16.354.268.937)	(2.057.997.845)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(13.831.498.750)	(13.066.814.450)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		<u>(23.160.509.648)</u>	<u>(7.627.071.522)</u>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</i>	50		<u>669.864.745</u>	<u>12.534.584.765</u>
<i>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</i>	60	5.1	<u>31.354.441.022</u>	<u>28.591.896.238</u>
<i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</i>	70	5.1	<u>32.024.305.767</u>	<u>41.126.481.003</u>

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Hoàng Thị Hương



Hoàng Thị Hương



Trần Đoàn Viện

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hải Minh hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0302525162 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24/01/2002, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đã được thay đổi các lần và đăng ký thay đổi gần nhất là lần thứ 19 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 09/01/2026 về việc thay đổi một người đại diện pháp luật của Công ty.

Tên Công ty bằng tiếng Anh: HAI MINH CORPORATION. Tên Công ty viết tắt: HAMI CORP.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302525162 thay đổi lần thứ 19 ngày 09/01/2026 là 138.422.290.000 VND (Bằng chữ: Một trăm ba mươi tám tỷ, bốn trăm hai mươi hai triệu, hai trăm chín mươi nghìn đồng chẵn).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX). Mã cổ phiếu: HMMH.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, phường Thạnh Mỹ Tây, thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty và các Công ty con tại ngày 30/6/2026 là 142 người (tại ngày 31/12/2025 là 132 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Dịch vụ cho thuê kho bãi;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết: Cho thuê thiết bị chuyên dùng trong bốc xếp, vận chuyển (không kèm người điều khiển); cho thuê tàu và thiết bị hàng hải;

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ: Đại lý hãng tàu, kinh doanh dịch vụ cho thuê kho bãi, các dịch vụ về vận tải; kinh doanh bất động sản cho thuê.

1.3 Cấu trúc doanh nghiệp

Các Công ty con được hợp nhất trong kỳ như sau:

Stt	Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ lợi ích
1	Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	Tp. Hải Phòng	96,79%	96,79%	96,79%
2	Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh (i)	Tp. Hải Phòng	100%	99,92%	99,92%
3	Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Hải Minh (ii)	Tp. Hải Phòng	100%	99,00%	99,00%
(i)	Tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích của Công ty tại Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh bao gồm quyền biểu quyết và lợi ích trực tiếp với tỷ lệ là 99,92% và quyền biểu quyết và lợi ích gián tiếp thông qua một Công ty con của Công ty, Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát, với tỷ lệ là 0,08%.				
(ii)	Tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích của Công ty tại Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Hải Minh bao gồm quyền biểu quyết và lợi ích trực tiếp với tỷ lệ là 99% và quyền biểu quyết và lợi ích gián tiếp thông qua một Công ty con của Công ty, Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát, với tỷ lệ là 1%.				

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Ngày 27/10/2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính. Thông tư 99/2025/TT-BTC áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2026.

Công ty đã áp dụng các hướng dẫn của Thông tư số 99/2025/TT-BTC kể từ ngày 01/01/2026. Trường hợp việc áp dụng Thông tư này làm thay đổi cách trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Công ty sẽ thực hiện trình bày lại hoặc phân loại lại số liệu so sánh theo quy định, chi tiết việc trình bày lại tại Thuyết minh số 7.4. Do đó, các thông tin và số liệu kế toán trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là có thể so sánh được do đã được tính toán và trình bày nhất quán.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 do Bộ Tài chính ban hành.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được lập phù hợp với Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20/4/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, cụ thể:

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập từ Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty do Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (Tiếp theo)

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các Công ty con khác là giống nhau. Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các Công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu trong phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại Công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND, ngoại trừ các khoản tiền gửi không kỳ hạn, được quy đổi sang VND, theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch. Công ty không thực hiện quy đổi đối với một phần hoặc toàn bộ giá trị nợ phải thu có gốc ngoại tệ đã được trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Số dư các khoản tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình tại ngày kết thúc kỳ kế toán của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tiền gửi.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ và được trình bày theo số thuần trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các công cụ tài chính được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh hoặc được phân loại là chứng khoán kinh doanh theo quy định hiện hành. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý của khoản thanh toán tại thời điểm phát sinh. Các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

Các khoản đầu tư vào đơn vị khác

Các khoản đầu tư vào Đơn vị khác mà Công ty không nắm quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các đơn vị được đầu tư sau ngày Công ty đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ trong kỳ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Đơn vị khác được trình bày trong Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng tổn thất (nếu có).

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Chứng khoán kinh doanh: dự phòng giảm giá được xác định căn cứ vào chênh lệch giữa giá gốc và giá trị hợp lý của chứng khoán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Đầu tư vào đơn vị khác: Dự phòng tổn thất được trích lập khi có dấu hiệu hoặc bằng chứng cho thấy khoản đầu tư bị suy giảm giá trị tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Giá trị tổn thất được xác định theo quy định kế toán hiện hành phù hợp với bản chất của từng khoản đầu tư.

Đối với các đơn vị được đầu tư là công ty mẹ, căn cứ để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư là Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất của đơn vị được đầu tư.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào vị trí và trạng thái cần thiết để tài sản có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của Công ty.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc, thiết bị	05 - 15
Phương tiện vận tải, vật truyền dẫn	06 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10
Tài sản cố định khác	05 - 10

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là quyền sử dụng đất, được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào vị trí và trạng thái cần thiết để tài sản có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của Công ty.

Quyền sử dụng đất là văn phòng của Công ty tại Tòa nhà Pearl Plaza tại địa chỉ 561A Điện Biên Phủ, phường Thanh Mỹ Tây, Tp. Hồ Chí Minh. Thời hạn sử dụng đất đến năm 2058.

TSCĐ vô hình là Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong vòng 40 đến 43 năm.

Công ty không thực hiện trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất không có thời hạn.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm toàn bộ các chi phí (tiền và tương đương tiền) mà Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính tới thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành Bất động sản đầu tư đó.

Các chi phí liên quan đến Bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho Bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá Bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà	50

Công ty không tính khấu hao đối với Quyền sử dụng đất có thời hạn sử dụng lâu dài.

Thanh lý: Lãi và lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được hoàn lại trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại: Được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế thu nhập hiện hành.

Thuê hoạt động

Các khoản thuê hoạt động của Công ty bao gồm thuê mặt bằng (nhà xưởng, kho bãi) để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

Cho thuê tài sản

Cho thuê hoạt động

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ theo cách phân loại tài sản của Công ty.

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ khi phát sinh hoặc được phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê theo thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

Nguyên tắc kế toán chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Chi phí sửa chữa tài sản

Các khoản chi phí sửa chữa tài sản lớn được phân bổ dần vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian tối đa 36 tháng.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan.

Nguyên tắc kế toán Phải trả người bán, Phải trả khác

Các khoản nợ phải trả người bán, phải trả khác (không bao gồm phải trả cổ tức, lợi nhuận) được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả này được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản của nhà cung cấp hoặc người bán (là đơn vị độc lập với người mua).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc kế toán phải trả cổ tức, lợi nhuận

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả sau khi được Đại hội đồng Cổ đông của Công ty thông qua. Việc chi trả số cổ tức này được thực hiện khi có Thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau

- Chi phí dịch vụ khác: Trích trước dựa trên Hợp đồng, báo giá hoặc các chứng từ khác có liên quan khi Công ty thực tế đã nhận được dịch vụ cung cấp nhưng chưa nhận được hóa đơn.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu mua lại của chính mình.

Cổ phiếu mua lại của chính mình được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu cung cấp dịch vụ liên quan đến kho bãi và đại lý container; doanh thu cho thuê hoạt động.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ và cho thuê hoạt động là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (Tiếp theo)

Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp

Ưu đãi thuế được áp dụng tại Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Hải Minh, một công ty con của Công ty đối với dự án Đầu tư Khu dịch vụ hậu cần sau Cảng theo Giấy chứng nhận đầu tư số 02221000098 ngày 12/4/2017 do Ban Quản lý khu kinh tế Hải Phòng cấp với các ưu đãi cụ thể như sau:

- Áp dụng thuế suất 10% trong 15 năm kể từ năm 2016 (từ năm 2016 đến hết năm 2030);
- Miễn thuế 04 năm kể từ năm 2017 (từ năm 2017 đến hết năm 2020);
- Giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo (từ năm 2021 đến hết năm 2029).
- Năm 2026 là năm thứ 10, Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Hải Minh được hưởng mức ưu đãi thuế TNDN là 10% và năm thứ 5 giảm 50% số thuế phải nộp đối với thu nhập tính thuế.
- Ngoài phần thu nhập tính thuế được hưởng ưu đãi thuế, Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Hải Minh nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất là 17% trên thu nhập chịu thuế của các hoạt động khác.

Công ty mẹ và các Công ty con khác của Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 17% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ (Công ty Cổ phần Hải Minh) sau khi điều chỉnh phần trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ (Công ty Cổ phần Hải Minh) sau khi điều chỉnh phần trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về các dịch vụ mà Công ty cung cấp. Do vậy, Báo cáo bộ phận chính yếu được lập theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu được lập theo khu vực địa lý.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2026 VND	01/01/2026 (Trình bày lại) VND
Tiền mặt	516.795.354	451.477.808
Tiền gửi không kỳ hạn (i)	20.807.510.413	22.402.963.214
Các khoản tương đương tiền (iii)	10.700.000.000	8.500.000.000
Cộng	32.024.305.767	31.354.441.022

(i) Chi tiết tiền gửi không kỳ hạn như sau

	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Sài Gòn	4.627.735.210	6.606.327.609
Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI	10.143.751.848	7.121.734.898
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Định	1.040.265.328	1.723.596.676
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Ngô Quyền	3.377.290.822	5.696.618.401
Tiền gửi không kỳ hạn tại các ngân hàng khác	1.618.467.205	1.254.685.630
Cộng	20.807.510.413	22.402.963.214

(ii) Chi tiết các khoản tương đương tiền như sau:

	30/6/2026 VND	01/01/2026 (Trình bày lại) VND
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Định	-	4.000.000.000
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Ngô Quyền (ii.1)	10.700.000.000	4.500.000.000
Cộng	10.700.000.000	8.500.000.000

(ii.1) Tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng tại các Ngân hàng thương mại cổ phần với lãi suất từ 4,2%/năm đến 4,5%/năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

a. Chứng khoán kinh doanh

	30/6/2026 (VND)			01/01/2026 (VND)		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá trị dự phòng
Cổ phiếu	105.603.725.085	111.029.158.709	(3.243.985.622)	122.943.810.422	121.722.409.000	(8.039.373.680)
Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ (Mã chứng khoán: PSP)	11.268.812.075	15.900.000.000	-	11.268.812.075	17.300.000.000	-
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương (Mã chứng khoán: PVP) (ii)	9.430.043.286	10.608.932.569	-	50.983.922.573	45.080.000.000	(5.903.922.573)
Công ty Cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng (Mã chứng khoán: TUG)	12.278.498.212	14.851.753.200	-	12.278.498.212	11.838.354.000	(440.144.212)
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (Mã chứng khoán: PVT)	8.175.688.993	8.078.950.000	(96.738.993)	25.321.512.513	23.717.600.000	(1.605.777.514)
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco (Mã chứng khoán: HAP)	21.881.667.707	20.606.184.000	(1.275.483.707)	15.599.027.153	16.304.955.000	(16.443.125)
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (Mã chứng khoán: HPG)	21.969.771.348	20.969.999.999	(999.771.349)	-	-	-
Các cổ phiếu khác	20.599.243.464	20.013.338.941	(871.991.573)	7.492.037.896	7.481.500.000	(73.086.256)
Cộng	105.603.725.085	111.029.158.709	(3.243.985.622)	122.943.810.422	121.722.409.000	(8.039.373.680)

Giá trị hợp lý của các cổ phiếu được xác định bằng số lượng cổ phiếu Công ty nắm giữ nhân (x) với giá đóng cửa của cổ phiếu trên thị trường chứng khoán tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ,
Phường Thanh Mỹ Tây, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
Ngày 20/4/2026 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

		30/06/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
	Tỷ lệ	30/06/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
a) Ngắn hạn		1.500.000.000	1.500.000.000	-	1.500.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn		1.500.000.000	1.500.000.000	-	1.500.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ngô Quyền		1.500.000.000	1.500.000.000	-	1.500.000.000
Cộng		1.500.000.000	1.500.000.000	-	1.500.000.000

Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ngô Quyền với lãi suất áp dụng là 4,2%/năm.

c. Đầu tư vào đơn vị khác

		30/06/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
	Tỷ lệ	30/06/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		11.400.000.000	11.400.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Hải Minh Đình Vũ	19,0%	11.400.000.000	11.400.000.000	-	-
Cộng		11.400.000.000	11.400.000.000	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ,
Phường Thạnh Mỹ Tây, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC

Ngày 20/4/2026 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/6/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Công ty Cổ phần Ô tô TOYOTA Việt Nam	268.255.764	-	157.484.238	-
Công ty TNHH Toàn Cầu Khải Minh	2.901.110.246	-	1.919.935.026	-
Công ty Cổ phần Kioway	-	-	17.172.000	-
Chi nhánh giao dịch Công ty TNHH Kintetsu World Express Việt Nam	1.943.146.800	-	1.539.947.160	-
Công ty Cổ phần Commodities Express	1.668.687.182	-	-	-
Đối tượng khác	9.552.111.946	-	8.405.519.501	-
Cộng	16.333.311.938	-	12.040.057.925	-
<i>Trong đó</i>				
<i>Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh 7.2)</i>	<i>40.419.054</i>	<i>-</i>	<i>63.076.599</i>	<i>-</i>

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/6/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh	27.500.000	-	33.000.000	-
Công ty TNHH TM XD Hưng Thịnh D&D	59.651.370	-	-	-
Đối tượng khác	4.926.599	-	9.551.693	-
Cộng	92.077.969	-	42.551.693	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.5 Phải thu khác

	30/06/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
a) Ngắn hạn	3.973.899.193	-	5.358.050.372	-
Phải thu của người lao động (i)	1.085.793.743	-	836.245.515	-
Ký cược, ký quỹ	55.060.287	-	45.500.000	-
Phải thu khác	2.833.045.163	-	4.476.304.857	-
+ Phải thu khác còn lại (ii)	2.833.045.163	-	4.476.304.857	-
b) Dài hạn	8.000.000	-	8.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	8.000.000	-	8.000.000	-
Cộng	3.981.899.193	-	5.366.050.372	-

(i) Phải thu của người lao động chủ yếu bao gồm các khoản tạm ứng cho nhân viên của Công ty thực hiện các công việc theo sự phân công hoặc ủy quyền của Công ty và được quy định trong quy chế tài chính của Công ty.

(ii) Phải thu khác chủ yếu bao gồm các khoản phải thu từ việc chi hộ cho các khách hàng của Công ty.

5.6 Hàng tồn kho

	30/06/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	45.113.430	-	27.768.242	-
Cộng	45.113.430	-	27.768.242	-

5.7 Chi phí chờ phân bổ

	30/6/2026	01/01/2026
	VND	VND
Ngắn hạn	2.002.829.145	1.169.497.305
Chi phí sửa chữa tài sản	423.726.467	324.566.206
Chi phí bảo hiểm, kiểm định	296.332.885	152.167.781
Công cụ, dụng cụ	119.105.575	304.288.299
Chi phí chờ phân bổ đối với hoạt động cho thuê căn hộ	11.560.863	3.874.997
Chi phí phần mềm	4.854.546	-
Chi phí chờ phân bổ khác	1.147.248.809	384.600.022
Dài hạn	3.358.264.594	3.823.095.501
Chi phí sửa chữa tài sản	1.425.310.411	1.458.932.682
Công cụ, dụng cụ	1.645.952.169	1.998.185.568
Chi phí phần mềm	69.354.396	-
Chi phí chờ phân bổ khác	217.647.618	365.977.251
Cộng	5.361.093.739	4.992.592.806

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.8 Tài sản ngắn hạn khác

	30/6/2026	01/01/2026
	VND	(Trình bày lại) VND
Các khoản tương đương tiền thế chấp để phát hành bảo lãnh ngân hàng (i)	1.000.000.000	1.000.000.000
Cộng	1.000.000.000	1.000.000.000

- (i) Số dư tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng với lãi suất 4,75%/năm được dùng làm tài sản thế chấp để bảo đảm cho việc cấp bảo lãnh (chi tiết tại Thuyết minh số 5.18).

Mẫu số B 09a - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
Ngày 20/4/2026 của Bộ Tài chính

Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
Ngày 20/4/2026 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.9 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc , thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu bình khác	Tổng cộng
NGUYỄN GIÁ						
Số dư tại ngày 01/01/2026	111.824.737.789	1.434.826.595	55.843.522.923	6.566.053.377	2.414.000.000	178.083.140.684
Tăng do mua trong kỳ	-	-	4.507.290.368	-	-	4.507.290.368
Số dư tại ngày 30/06/2026	111.824.737.789	1.434.826.595	60.350.813.291	6.566.053.377	2.414.000.000	182.590.431.052
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại ngày 01/01/2026	52.681.153.076	955.409.636	48.945.934.691	5.305.451.918	1.195.235.995	109.083.185.316
Khấu hao trong kỳ	1.755.970.644	70.354.908	1.066.711.033	222.116.262	125.916.654	3.241.069.501
Số dư tại ngày 30/06/2026	54.437.123.720	1.025.764.544	50.012.645.724	5.527.568.180	1.321.152.649	112.324.254.817
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số dư tại ngày 01/01/2026	59.143.584.713	479.416.959	6.897.588.232	1.260.601.459	1.218.764.005	68.999.955.368
Số dư tại ngày 30/06/2026	57.387.614.069	409.062.051	10.338.167.567	1.038.485.197	1.092.847.351	70.266.176.235

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2026 là 52.217.027.723 VND (tại ngày 01/01/2026: 52.014.707.723 VND).
- Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình thể chấp để đảm bảo cho khoản vay tại ngày 30/6/2026 là 2.219.448.304 VND (tại ngày 01/01/2026: 0 VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.9 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình (Tiếp theo)

Các tài sản cố định hữu hình đang hiện hữu có tỷ lệ giá trị từ 10% trên tổng tài sản cố định hữu hình như sau:

Mô tả tài sản	Phân loại	30/6/2026 (VND)			01/01/2026 (VND)		
		Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Văn phòng Hải Minh Hồ Chí Minh - 17.01	Nhà cửa, vật kiến trúc	7.803.104.897	1.935.653.888	5.867.451.009	7.803.104.897	1.844.920.112	5.958.184.785
Văn phòng Hải Minh Hồ Chí Minh - 17.05	Nhà cửa, vật kiến trúc	6.702.305.160	1.662.587.264	5.039.717.896	6.702.305.160	1.584.653.486	5.117.651.674
Bãi container - phường Đồng Hải, Tp. Hải Phòng	Nhà cửa, vật kiến trúc	29.126.049.813	16.596.379.530	12.529.670.283	29.126.049.813	16.013.858.532	13.112.191.281
Bãi Nam Phát	Nhà cửa, vật kiến trúc	13.648.627.789	13.648.627.789	-	13.648.627.789	13.648.627.789	-
Tòa nhà văn phòng 7 tầng	Nhà cửa, vật kiến trúc	14.382.830.596	3.595.707.600	10.787.122.996	14.382.830.596	3.451.879.296	10.930.951.300
Xây dựng nhà Kho CFS - Bãi Nam Phát	Nhà cửa, vật kiến trúc	12.308.952.790	2.502.820.423	9.806.132.367	12.308.952.790	2.256.641.365	10.052.311.425
Bãi Hải Minh Đình Vũ	Nhà cửa, vật kiến trúc	17.415.535.793	7.852.170.399	9.563.365.394	17.415.535.793	7.416.782.007	9.998.753.786
Cộng		101.387.406.838	47.793.946.893	53.593.459.945	101.387.406.838	46.217.362.587	55.170.044.251

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.10 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại ngày 01/01/2026	24.058.532.693	63.000.000	24.121.532.693
Số dư tại ngày 30/06/2026	24.058.532.693	63.000.000	24.121.532.693
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại ngày 01/01/2026	5.159.080.820	7.576.812	5.166.657.632
Khấu hao trong kỳ	288.160.386	6.300.000	294.460.386
Số dư tại ngày 30/06/2026	5.447.241.206	13.876.812	5.461.118.018
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư tại ngày 01/01/2026	18.899.451.873	55.423.188	18.954.875.061
Số dư tại ngày 30/06/2026	18.611.291.487	49.123.188	18.660.414.675

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.10 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình (Tiếp theo)

Các tài sản cố định vô hình đang hiện hữu có tỷ lệ giá trị từ 10% trên tổng tài sản cố định vô hình như sau:

Mô tả tài sản	Phân loại	30/6/2026 (VND)			01/01/2026 (VND)		
		Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Quyền sử dụng đất tại phường Đông Hải, Tp. Hải Phòng Cộng	Quyền sử dụng đất	22.164.545.456	5.217.903.368	16.946.642.088	22.164.545.456	4.940.846.552	17.223.698.904
		22.164.545.456	5.217.903.368	16.946.642.088	22.164.545.456	4.940.846.552	17.223.698.904

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.11 Tăng, giảm bất động sản đầu tư

	01/01/2026 VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	30/6/2026 VND
a) Bất động sản đầu tư cho thuê				
Nguyên giá	23.603.635.918	-	-	23.603.635.918
- Quyền sử dụng đất	2.355.191.859	-	-	2.355.191.859
- Nhà	21.248.444.059	-	-	21.248.444.059
Giá trị hao mòn lũy kế	672.867.406	212.484.444	-	885.351.850
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	672.867.406	212.484.444	-	885.351.850
Giá trị còn lại	22.930.768.512	(212.484.444)	-	22.718.284.068
- Quyền sử dụng đất	2.355.191.859	-	-	2.355.191.859
- Nhà	20.575.576.653	(212.484.444)	-	20.363.092.209

Bất động sản đầu tư của Công ty là các căn hộ của Khối căn hộ thuộc cụm công trình cao ốc văn phòng kết hợp thương mại, dịch vụ, căn hộ tại số 152 Điện Biên Phủ, phường Thanh Mỹ Tây, Tp. Hồ Chí Minh được Công ty sử dụng để cho thuê hoạt động.

Doanh thu và giá vốn liên quan đến Bất động sản đầu tư cho thuê trong kỳ được trình bày tại Thuyết minh số 6.1 và 6.2 với số tiền lần lượt là 428.202.060 VND và 221.616.915 VND.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư tại 30/6/2026 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty không có đủ thông tin để xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư nêu trên tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ.

5.12 Tài sản thuế thu nhập doanh hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	493.976.880	472.765.808
<i>Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại</i>	<i>20%</i>	<i>20%</i>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	493.976.880	472.765.808
Cộng	493.976.880	472.765.808

5.13 Phải trả người bán ngắn hạn

	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	851.558.400	851.558.400
Công ty TNHH Thương mại tổng hợp Ánh Dương	1.907.299.000	1.401.561.350
Đối tượng khác	2.756.403.731	2.687.754.034
Cộng	5.515.261.131	4.940.873.784

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.14 Phải trả cổ tức, lợi nhuận

	30/6/2026	01/01/2026 (Trình bày lại)
	VND	VND
Phải trả về cổ tức, lợi nhuận (i)	63.451.065	52.720.815

- (i) Phần cổ tức năm của các năm trước mà Công ty mẹ, Công ty Cổ phần Hải Minh, phải trả cho các cá nhân sở hữu cổ phiếu chưa lưu ký.

5.15 Thuế và các khoản phải nộp/phải thu Nhà nước ngắn hạn

	01/01/2026 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	30/6/2026 VND
a) Phải nộp	3.575.699.684	11.885.366.592	9.882.352.418	5.578.713.858
Thuế giá trị gia tăng	1.409.424.145	2.824.034.683	2.484.858.392	1.748.600.436
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.556.092.782	3.507.216.777	2.524.935.230	2.538.374.329
Thuế thu nhập cá nhân	288.705.504	1.211.056.655	1.346.048.790	153.713.369
Thuế nhà đất, tiền thuê đất		1.826.165.851	1.232.738.640	593.427.211
Các loại thuế khác	321.477.253	2.376.202.546	2.153.081.286	544.598.513
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	140.690.080	140.690.080	-
b) Phải thu	64.492.963	64.492.963	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	15.075.581	15.075.581	-	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất nộp thừa	49.417.382	49.417.382	-	-

5.16 Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
Chi phí lãi vay	-	19.615.312
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	30.600.000	33.300.000
Các khoản phải trả khác	287.017.888	264.769.616
Cộng	317.617.888	317.684.928

5.17 Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2026 VND	01/01/2026 (Trình bày lại) VND
Kinh phí công đoàn	459.189.760	371.396.260
Nhận ký quỹ, ký cược	700.504.148	597.404.148
Samudera Shipping Line Ltd. - Phải trả hộ hãng tàu theo hợp đồng đại lý	2.300.839.086	5.221.972.450
Phải trả phải nộp khác	15.046.569.391	6.551.475.514
Cộng	18.507.102.385	12.742.248.372

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.18 Vay và nợ thuê tài chính

	30/6/2026 VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	01/01/2026 VND
a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	300.000.000	6.125.258.039	16.329.268.937	10.504.010.898
a1) Vay ngắn hạn	-	5.825.258.039	16.329.268.937	10.504.010.898
Ngân Hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Định (i)	-	-	2.097.447.940	2.097.447.940
Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI - Chi nhánh Hải Phòng	-	5.825.258.039	14.231.820.997	8.406.562.958
a2) Vay dài hạn đến hạn trả	300.000.000	300.000.000	-	-
Ngân Hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Hải Phòng (ii)	300.000.000	300.000.000	-	-
b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	875.000.000	1.200.000.000	325.000.000	-
b1) Vay dài hạn	875.000.000	1.200.000.000	325.000.000	-
Ngân Hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Hải Phòng (ii)	875.000.000	1.200.000.000	325.000.000	-
Cộng	1.175.000.000	7.325.258.039	16.654.268.937	10.504.010.898

(i) Hợp đồng cấp tín dụng số PDL20231129632/HDTD ngày 14/7/2023, Phụ lục Hợp đồng số PDL20231129632/HDTD/PL3267527 ngày 04/7/2025, các điều khoản về việc cấp tín dụng cho Công ty như sau:

Hạn mức tín dụng : 4.100.000.000 VND, trong đó hạn mức cho vay là 2.100.000.000 VND;
Thời hạn sử dụng hạn mức tín dụng : 12 tháng, kể từ ngày 04/7/2025 đến hết ngày 04/7/2026;
Mục đích cho vay : Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
Lãi suất cho vay : xác định theo từng lần giải ngân;
Biện pháp đảm bảo : Thế chấp tài sản thuộc sở hữu của Công ty, bao gồm sổ tiết kiệm trị giá 1.000.000.000 VND.

(ii) - Hợp đồng cho vay số: CLC - 89363-01 ngày 02/6/2026, các điều khoản cho vay như sau:

Số tiền cho vay : 1.200.000.000 VND
Thời hạn cho vay : 48 tháng
Mục đích sử dụng vốn vay : Thanh toán tiền mua 03 xe ô tô đầu kéo nhãn hiệu Chenglong phục vụ hoạt động kinh doanh
lãi suất : 8,5%/năm
Lịch thanh toán nợ gốc : trả gốc vay và lãi vay trả hằng tháng, gốc vay hằng tháng trả 25.000.000 VND
Biện pháp đảm bảo : Thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ,
Phường Thanh Mỹ Tây, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
Ngày 20/4/2026 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.19 Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND							
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn	Cổ phiếu mua lại của chính mình	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2025	131.998.470.000	5.893.984.271	(4.394.588.700)	6.746.673.776	77.513.078.144	1.450.361.733	219.207.979.224
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	26.912.274.694	104.877.244	27.017.151.938
Chia cổ tức	-	-	-	-	(13.199.847.000)	-	(13.199.847.000)
Công ty con chia lợi nhuận	-	-	-	-	-	(94.374.000)	(94.374.000)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(1.441.286.000)	-	(1.441.286.000)
Bán cổ phiếu quỹ	-	1.011.070.630	4.394.588.700	-	-	-	5.405.659.330
Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (i)	6.423.820.000	(93.000.000)	-	-	-	-	6.330.820.000
Các khoản khác	-	-	-	-	(478.456)	478.456	-
Số dư tại ngày 01/01/2026	138.422.290.000	6.812.054.901	-	6.746.673.776	89.783.741.382	1.461.343.433	243.226.103.492
Lãi trong kỳ nay	-	-	-	-	19.295.294.853	124.626.186	19.419.921.039
Chia cổ tức (ii)	-	-	-	-	(13.842.229.000)	-	(13.842.229.000)
Trích lập các quỹ (ii)	-	-	-	-	(2.152.982.000)	-	(2.152.982.000)
Các khoản khác	-	-	-	-	27.782	(27.782)	-
Số dư tại ngày 30/06/2026	138.422.290.000	6.812.054.901	-	6.746.673.776	93.083.853.017	1.585.941.837	246.650.813.531

Đơn vị tính: VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.19 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

- (i) Tại ngày Báo cáo, tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động tính đến hết ngày 10/8/2026 như sau:

STT	Nội dung	Số tiền (VND)
A	Tổng số vốn thu được từ đợt phát hành	6.423.820.000
B	Tình hình sử dụng vốn từ đợt phát hành	6.425.897.020
1	Thanh toán các khoản chi phí phục vụ hợp đồng đại lý với hãng tàu	4.577.850.939
2	Mở tài khoản bảo lãnh tại ngân hàng để thực hiện Hợp đồng kinh tế	1.500.000.000
3	Thanh toán các dịch vụ mua ngoài phục vụ hoạt động kinh doanh	297.965.915
4	Thanh toán phần còn lại của chi phí tư vấn phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động	33.000.000
5	Thanh toán các dịch vụ ngân hàng	17.080.166
C	Lãi tiền gửi không kỳ hạn	2.077.020
D	Số vốn còn lại của đợt phát hành ($C = A+B-C$)	-

- (ii) Công ty phân phối lợi nhuận năm 2025 được phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/3/2026, trong đó:
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi: 5% lợi nhuận sau thuế năm 2025, tương ứng với 1.345.614.000 VND;
 - Trích lập quỹ khen thưởng hoạt động của hội đồng quản trị: 3% lợi nhuận sau thuế năm 2025, tương ứng với 807.368.000 VND;
 - Chia cổ tức: 10% trên vốn điều lệ, tương ứng với 13.842.229.000 VND.

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
Công ty Cổ phần Cánh Đồng Xanh	14.288.000.000	14.288.000.000
Ông Trần Quang Tiến	14.600.870.000	14.600.870.000
Công ty Cổ phần Đại lý Cánh Đồng Xanh	13.743.000.000	13.743.000.000
Ông Vũ Đức Tuấn	10.000.000.000	10.000.000.000
Ông Trần Quang Thành Đạt	10.000.000.000	10.000.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	75.790.420.000	75.790.420.000
Cộng	138.422.290.000	138.422.290.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và chia cổ tức, lợi nhuận

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	138.422.290.000	131.998.470.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	138.422.290.000	131.998.470.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	13.842.229.000	13.199.847.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.19 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

d. Cổ phiếu

	30/06/2026	01/01/2026
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.842.229	13.842.229
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.842.229	13.842.229
Cổ phiếu phổ thông	13.842.229	13.842.229
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.842.229	13.842.229
Cổ phiếu phổ thông	13.842.229	13.842.229
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/Cổ phiếu)	10.000	10.000

5.20 Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ

a. Tài sản thuê ngoài

Tại ngày 30/6/2026, các Công ty con của Công ty thuê hoạt động các lô đất để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh theo các Hợp đồng thuê đất ký với đại diện cơ quan nhà nước tại thành phố Hải Phòng. Thông tin chi tiết như sau:

Lô đất do Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh thuê

Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh thuê hoạt động lô đất tại phường Đông Hải, thành phố Hải Phòng với tổng diện tích là 17.178,36 m². Thời hạn thuê đất đến hết ngày 14/01/2059.

Lô đất do Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát thuê

Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát thuê hoạt động lô đất tại phường Đông Hải, thành phố Hải Phòng với tổng diện tích là 20.330,03 m². Thời hạn thuê đất là 30 năm, đến hết ngày 15/11/2030.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ,
Phường Thanh Mỹ Tây, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
Ngày 20/4/2026 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.20 Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ (Tiếp theo)

b. Tài sản sử dụng để cầm cố, thế chấp

Tại ngày 30/6/2026, Công ty đã sử dụng các tài sản để thế chấp theo các Hợp đồng cấp tín dụng với các Ngân hàng thương mại cổ phần như sau:

Mô tả tài sản	Khoản mục	Giá trị ghi số (VND)	Đối tượng nhận cầm cố thế chấp	Mục đích bảo đảm	Thời hạn
Tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng	Các khoản tương đương tiền	1.000.000.000	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Định	Phát hành bảo lãnh	Tháng 7 năm 2026
Phương tiện vận tải	Tài sản cố định hữu hình	2.219.448.304	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Ngô Quyền	Đảm bảo cho khoản vay trung hạn	Tháng 6 năm 2030

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.20 Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ (Tiếp theo)

c. Nợ xấu đã xử lý

	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
Công ty Cổ phần Thami Shipping & Airfreight	17.820.000	17.820.000
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Giao nhận Giang Hà	16.632.000	16.632.000
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Dịch vụ Kho bãi và Vận tải Thịnh Phát	21.224.815	21.224.815
Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Đầu tư Thương mại An Phát	150.587.322	150.587.322
Công ty TNHH JD-LINK International Logistics Vietnam	17.820.000	17.820.000
Công ty TNHH Giao nhận và Thương mại phía nam	44.172.000	44.172.000
Công ty TNHH Thực phẩm Minh Quân	11.600.000	11.600.000
Công ty TNHH Thủy sản Trọng Nhân	12.904.200	12.904.200
Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long	31.693.800	31.693.800
Công ty TNHH MTV Quận Nhuận	10.677.400	10.677.400
Công ty TNHH Nhân Châu	18.900.000	18.900.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Thiên Tân	1.400.000	1.400.000
Công ty TNHH Thương mại Vận tải Hưng Lộc Thịnh	100.000.000	100.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Trần Gia Phát	14.923.636	14.923.636
Công ty TNHH Giao nhận Biển Xanh	34.000.000	34.000.000
Công ty TNHH Kỹ thuật - Thương mại - Dịch vụ Thái Hòa	9.180.000	9.180.000
Cộng	513.535.173	513.535.173

Công ty tiến hành xóa nợ phải thu nêu trên do đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi với tỷ lệ 100% số dư nợ phải thu, tuy nhiên, đối tượng nợ không có khả năng thanh toán nợ dù đã có Quyết định thi hành án dân sự của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, hoặc các đối tượng nợ là nhân viên của Công ty đã nghỉ việc.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ vận tải	22.004.795.007	17.589.049.075
Doanh thu dịch vụ đại lý container	7.266.604.065	5.709.605.885
Doanh thu cho thuê văn phòng (i)	1.849.364.716	1.801.212.072
Doanh thu cho thuê bãi	38.404.079.077	33.022.859.220
Cộng	69.524.842.865	58.122.726.252

Trong đó

*Doanh thu là các bên liên quan
(Chi tiết tại Thuyết minh 7.2)*

239.796.016 219.324.090

(i) Trong đó, doanh thu liên quan đến Bất động sản đầu tư cho thuê trong kỳ là 428.202.060 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

6.2 Giá vốn hàng bán

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Giá vốn dịch vụ vận tải	20.272.203.156	16.074.883.680
Giá vốn dịch vụ đại lý container	4.911.663.072	4.002.508.421
Giá vốn cho thuê văn phòng (i)	1.454.211.189	1.478.989.677
Giá vốn cho thuê bãi	31.258.532.866	27.455.666.605
Cộng	57.896.610.283	49.012.048.383

(i) Trong đó, giá vốn liên quan đến Bất động sản đầu tư cho thuê trong kỳ là 221.616.915 VND.

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	255.900.055	327.314.653
Lãi do bán, thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	10.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc tài sản phi tiền tệ	400.000.000	69.500
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	116.497.376	34.749.715
Lãi kinh doanh chứng khoán	11.235.763.008	2.337.751.092
Doanh thu hoạt động tài chính khác	5.505.341	6.758.472
Cộng	12.013.665.780	12.706.643.432

6.4 Chi phí tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Chi phí đi vay	252.877.249	92.107.743
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	40.666.449	19.857.800
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(4.795.388.058)	671.618.027
Lỗ kinh doanh chứng khoán	375.229.787	673.328.605
Cộng	(4.126.614.573)	1.456.912.175

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp	4.851.763.872	4.846.566.146
Chi phí nhân viên quản lý	3.253.871.212	3.405.907.089
Chi phí vật liệu quản lý	62.783.407	42.484.152
Chi phí đồ dùng văn phòng	83.827.942	142.158.332
Chi phí khấu hao TSCĐ	268.423.776	116.514.597
Thuế phí và lệ phí	5.338.743	15.483.808
Chi phí dịch vụ mua ngoài	296.243.776	399.861.309
Chi phí bằng tiền khác	881.275.016	724.156.859
Cộng	4.851.763.872	4.846.566.146

6.6 Thu nhập khác

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	230.958.660
Xử lý công nợ phải trả	-	123.455.600
Thu nhập từ việc khách thuê chấm hợp đồng thuê trước hạn	18.500.000	-
Thu nhập khác	23.233	10.008
Cộng	18.523.233	354.424.268

6.7 Chi phí khác

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Các khoản bị phạt vi phạm hành chính và tiền chậm nộp	14.269.971	-
Chi phí khác	-	3.958.486
Cộng	14.269.971	3.958.486

6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	3.522.292.358	2.901.945.654
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.522.292.358	2.901.945.654

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

6.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	14.911.283	-
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(36.122.355)	(138.313.678)
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(21.211.072)	(138.313.678)

6.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	11.474.066.262	8.223.805.926
Chi phí nhân công	19.027.856.407	16.961.633.127
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.748.014.331	3.376.237.289
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.272.476.839	20.419.857.000
Chi phí khác bằng tiền	5.225.960.316	4.877.080.687
Cộng	62.748.374.155	53.858.614.029

6.11 Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu

a. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 (Trình bày lại) (iii)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty mẹ (VND)	19.295.294.853	13.091.566.516
Các khoản điều chỉnh giảm :	-	(1.076.491.000)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-672.807.000
Trích quỹ thưởng Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, và Ban Kiểm soát	-	-403.684.000
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ (VND) (ii)	19.295.294.853	12.015.075.516
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (cổ phiếu)	13.842.229	12.945.125
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.394	928

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

6.11 Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (Tiếp theo)

b. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 (Trình bày lại) (iii)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty mẹ (VND)	19.295.294.853	13.091.566.516
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	(1.076.491.000)
<i>Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi</i>	-	(672.807.000)
<i>Trích quỹ thưởng Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, và Ban Kiểm soát</i>	-	(403.684.000)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ (VND) (ii)	19.295.294.853	12.015.075.516
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (cổ phiếu)	13.842.229	12.945.125
Số cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành bổ sung (cổ phiếu) (i)	681.000	642.382
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.329	884

- (i) Đây là số cổ phiếu Công ty dự kiến phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong năm 2026. Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1.
- (ii) Tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng Hội đồng Quản trị, Ban điều hành và Ban Kiểm soát. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng Hội đồng Quản trị, Ban điều hành và Ban Kiểm soát cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông Công ty mẹ và lãi cơ bản/lãi suy giảm trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ,
Phường Thạnh Mỹ Tây, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC

Ngày 20/4/2026 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

6.11 Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (Tiếp theo)**b. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (Tiếp theo)**

- (iii) Công ty xác định lại số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng Hội đồng Quản trị, Ban điều hành và Ban Kiểm soát cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 bằng 50% số tiền trích vào các quỹ nêu trên được phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/3/2026. Theo đó, lãi cơ bản/lãi suy giảm trên cổ phiếu cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 được trình bày lại như sau:

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 (Đã trình bày)	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 (Trình bày lại)	Chênh lệch
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty mẹ (VND)	13.091.566.516	13.091.566.516	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm :</i>	-	(1.076.491.000)	(1.076.491.000)
<i>Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi</i>	-	(672.807.000)	(672.807.000)
<i>Trích quỹ thưởng Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, và Ban Kiểm soát</i>	-	(403.684.000)	(403.684.000)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ (VND)	13.091.566.516	12.015.075.516	1.076.491.000
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	12.945.125	12.945.125	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.011	928	(83)

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 (Đã trình bày)	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 (Trình bày lại)	Chênh lệch
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty mẹ (VND)	13.091.566.516	13.091.566.516	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	(1.076.491.000)	(1.076.491.000)
<i>Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi</i>	-	(672.807.000)	(672.807.000)
<i>Trích quỹ thưởng Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, và Ban Kiểm soát</i>	-	(403.684.000)	(403.684.000)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ (VND)	13.091.566.516	12.015.075.516	1.076.491.000
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (cổ phiếu)	12.945.125	12.945.125	-
Số cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành bổ sung (cổ phiếu)	642.382	642.382	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	964	884	(79)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Các cam kết

a. Cam kết phát hành cổ phiếu

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2026 số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/3/2026, Công ty dự kiến phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động với các thông tin như sau:

- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành tối đa: 681.000 cổ phiếu;
- Tổng mệnh giá của cổ phiếu dự kiến phát hành tối đa: 6.810.000.000 VND, tương ứng mệnh giá là 10.000 VND/cổ phần và tỷ lệ phát hành là 4,92%;
- Giá chào bán: 10.000 VND/cổ phiếu, tổng số tiền huy động dự kiến là 6.810.000.000 VND;
- Đối tượng được quyền mua: thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, cán bộ chủ chốt, cán bộ quản lý, người lao động xuất sắc tại Công ty Cổ phần Hải Minh và các Công ty con, Công ty liên kết của Công ty Cổ phần Hải Minh;
- Cổ phiếu phát hành thêm theo chương trình lựa chọn cho người lao động sẽ bị hạn chế chuyển nhượng là 1 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành;
- Thời gian thực hiện dự kiến: từ quý II-III năm 2026;
- Mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành: bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

b. Cam kết cho thuê hoạt động

Tổng giá trị các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động không huỷ ngang mà Công ty dự kiến được nhận theo các thời hạn:

	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
Từ 01 năm trở xuống	3.353.427.265	1.853.466.000
Từ 01 năm đến dưới 05 năm	821.009.083	4.928.409.449
Trên 05 năm	-	441.167.080
Cộng	4.174.436.348	7.223.042.529

7.2 Thông tin về các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan của Công ty:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Cánh đồng Xanh	Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể
Công ty Cổ phần Đại lý Cánh Đồng Xanh	Tổ chức liên quan đến thành viên Hội đồng Quản trị
Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Cánh Đồng Xanh	Tổ chức liên quan đến thành viên Hội đồng Quản trị
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco	Tổ chức liên quan đến thành viên Hội đồng Quản trị
Công ty Cổ phần Hải Minh Đình Vũ	Tổ chức liên quan đến thành viên Hội đồng Quản trị
Công ty TNHH Phát triển Cao Gia	Tổ chức liên quan đến thành viên Ban Kiểm soát
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, người quản lý khác và các cá nhân thân cận trong gia đình của các thành viên này	Ảnh hưởng đáng kể

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

7.2 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

a. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025
		VND	VND
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, và người quản lý khác	Thu nhập từ thù lao, lương, thưởng và các khoản thu nhập khác	949.418.799	1.171.450.772

Chi tiết thu nhập của từng thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác như sau:

Thù lao của từng thành viên Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025
		VND	VND
Ông Trần Quang Tiến	Chủ tịch HĐQT	30.000.000	30.000.000
Ông Trần Đức Trung	Thành viên HĐQT	30.000.000	30.000.000
Ông Trần Đoàn Viện	Thành viên HĐQT	30.000.000	30.000.000
Ông Phùng Tuấn Anh	Thành viên HĐQT	30.000.000	30.000.000
Bà Vũ Thị Thu Việt	Thành viên HĐQT	30.000.000	30.000.000
Cộng		150.000.000	150.000.000

Thù lao của từng thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025
		VND	VND
Ông Đào Thế Hưng	Trưởng ban	18.000.000	18.000.000
Bà Tạ Thu Hường	Thành viên	18.000.000	18.000.000
Bà Đặng Thị Bích Ngọc	Thành viên	18.000.000	18.000.000
Cộng		54.000.000	54.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

7.2 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025
		VND	VND
Ông Kwok Michael Wa Tong	Tổng Giám đốc (từ ngày 14/10/2024 đến ngày 31/12/2025)	143.400.299	573.230.772
Ông Trần Đoàn Viện	Tổng Giám đốc (từ ngày 01/01/2026) Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 31/12/2025)	200.600.000	253.220.000
Ông Trần Đức Trung	Phó Tổng Giám đốc	251.242.500	123.000.000
Ông Phan Trọng Long	Người được ủy quyền công bố thông tin	150.176.000	18.000.000
Cộng		745.418.799	967.450.772

b. Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025
			VND	VND
Bán hàng			239.796.016	219.324.090
Công ty Cổ phần Cánh đồng Xanh	Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể	Thuê văn phòng, dịch vụ vận tải	105.084.094	94.880.884
Công ty Cổ phần Đại lý Cánh Đồng Xanh	Tổ chức liên quan đến thành viên Hội đồng Quản trị	Cho thuê văn phòng, phí sử dụng điện, dịch vụ	134.711.922	124.443.206
Giao dịch khác			11.400.000.000	-
Công ty Cổ phần Hải Minh Đình Vũ	Tổ chức liên quan đến thành viên Hội đồng Quản trị	Góp vốn đầu tư	11.400.000.000	-

c. Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	30/6/2026	01/01/2026
		VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn		40.419.054	63.076.599
Công ty Cổ phần Cánh Đồng Xanh	Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể	17.486.287	17.468.719
Công ty Cổ phần Đại lý Cánh Đồng Xanh	Tổ chức liên quan đến thành viên Hội đồng Quản trị	22.932.767	45.607.880

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINHTầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ,
Phường Thanh Mỹ Tây, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC

Ngày 20/4/2026 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

7.3 Báo cáo bộ phận

Ban Tổng Giám đốc của Công ty xác định rằng, việc đưa ra những quyết định quản lý của Công ty dựa trên các loại dịch vụ mà Công ty cung cấp. Mặt khác, rủi ro và tỷ suất sinh lời của các loại dịch vụ mà Công ty có sự khác biệt đáng kể và ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty trong kỳ. Do vậy, Công ty lập Báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh gồm: Dịch vụ vận tải, đại lý container, cho thuê văn phòng và kho bãi, và các lĩnh vực kinh doanh khác. Mặt khác, tài sản và nợ phải trả của từng bộ phận không được Công ty trình bày do được dùng chung cho tất cả lĩnh vực kinh doanh mà Công ty đang thực hiện. Báo cáo bộ phận thứ yếu được lập theo vị trí địa lý của các khách hàng của Công ty gồm các khách hàng ngoài lãnh thổ Việt Nam, và các khách hàng trong lãnh thổ Việt Nam.

Kết quả bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 (VND)				
	Dịch vụ vận tải	Đại lý container	Cho thuê văn phòng, kho bãi	Tổng cộng
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho khách hàng bên ngoài	22.004.795.007	7.266.604.065	40.253.443.793	69.524.842.865
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bộ phận	4.701.366.219	-	413.603.087	5.114.969.306
Loại trừ giao dịch nội bộ giữa các bộ phận	(4.701.366.219)	-	(413.603.087)	(5.114.969.306)
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.004.795.007	7.266.604.065	40.253.443.793	69.524.842.865
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	20.272.203.156	4.911.663.072	32.712.744.055	57.896.610.283
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh của bộ phận	1.732.591.851	2.354.940.993	7.540.699.738	11.628.232.582
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 (VND)				
	Dịch vụ vận tải	Đại lý container	Cho thuê văn phòng, kho bãi	Tổng cộng
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho khách hàng bên ngoài	17.589.049.075	5.709.605.885	34.824.071.292	58.122.726.252
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bộ phận	5.342.381.676	15.287.018	506.730.982	5.864.399.676
Loại trừ giao dịch nội bộ giữa các bộ phận	(5.342.381.676)	(15.287.018)	(506.730.982)	(5.864.399.676)
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	17.589.049.075	5.709.605.885	34.824.071.292	58.122.726.252
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	16.074.883.680	4.002.508.421	28.934.656.282	49.012.048.383
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh của bộ phận	1.514.165.395	1.707.097.464	5.889.415.010	9.110.677.869

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ,
Phường Thanh Mỹ Tây, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC

Ngày 20/4/2026 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

7.3 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)

Kết quả bộ phận theo vị trí địa lý

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 (VND)			
	Khách hàng ngoài lãnh thổ Việt Nam	Khách hàng trong lãnh thổ Việt Nam	Tổng
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho khách hàng bên ngoài	6.314.902.438	63.209.940.427	69.524.842.865
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 (VND)			
	Khách hàng ngoài lãnh thổ Việt Nam	Khách hàng trong lãnh thổ Việt Nam	Tổng
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho khách hàng bên ngoài	5.064.170.710	53.058.555.542	58.122.726.252

7.4 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ và các Thuyết minh có liên quan là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thông tin so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các Thuyết minh có liên quan là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

Một số thông tin so sánh trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ đã trình bày lại để phù hợp với Thông tư 99/2025/TT-BTC như sau:

	Số đã trình bày năm trước VND	Số trình bày lại VND	Chênh lệch VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN			
Tiền và các khoản tương đương tiền	32.354.441.022	31.354.441.022	(1.000.000.000)
Các khoản tương đương tiền	9.500.000.000	8.500.000.000	(1.000.000.000)
Tài sản ngắn hạn khác	1.233.990.268	2.233.990.268	1.000.000.000
Tài sản ngắn hạn khác	-	1.000.000.000	1.000.000.000
NỢ PHẢI TRẢ			
Nợ ngắn hạn			
Phải trả cổ tức, lợi nhuận	-	52.720.815	52.720.815
Phải trả ngắn hạn khác	12.794.969.187	12.742.248.372	(52.720.815)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2026

Người lập biểu


Hoàng Thị Hương

Kế toán trưởng


Hoàng Thị Hương

Tổng Giám đốc




Trần Đoàn Viện